

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; đề xuất nội dung, giải pháp Chương trình giai đoạn II: từ năm 2026 đến năm 2030**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 3361/SNN-KHTH ngày 04/10/2024 về việc đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất nội dung, giải pháp giai đoạn 2026 - 2030. Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo, như sau:

### **I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **1. Đánh giá công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình**

a) Về xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025;

UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 tại Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 và Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Để triển khai thực hiện Tiểu dự 1 của Dự án 3 (gọi tắt TDA), Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản số 3005/SNN-KL ngày 03/11/2022 về việc triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở, ban ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành một số văn bản chỉ đạo, điều hành, các quy định liên quan

để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất đảm bảo kịp thời, đủ cơ sở pháp lý cho các địa phương triển khai thực hiện.

b) Về công tác phối hợp, tổ chức thực hiện Chương trình

- Căn cứ Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện TDA.

- Căn cứ Quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện TDA hằng năm của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ban Dân tộc, các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện TDA của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng để kịp thời nắm bắt các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện TDA.

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và PTNT thường xuyên theo dõi, đôn đốc các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng và thực hiện thanh toán, giải ngân kinh phí đã được UBND tỉnh giao theo đúng quy định và đảm bảo các mốc giải ngân theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Chính phủ.

## **2. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình**

a) Từ năm 2021 - 2023, TDA thực hiện ở 05 huyện, gồm: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn với 22 xã, thuộc khu vực III có diện tích rừng thuộc phạm vi thực hiện TDA theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Đến năm 2024, xã Vĩnh An của huyện Tây Sơn đạt chuẩn nông thôn mới, do đó, TDA thực hiện ở 04 huyện, gồm: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, Hoài Ân với 21 xã, thuộc khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung thực hiện của Tiểu dự án 1 của Dự án 3 (*phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*)

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng được Nhà nước giao cho các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng. Đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng liên thôn xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân.

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

- Tiểu dự án 1 của Dự án 3 (*phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*)

+Từ năm 2021 - 2024, tổng diện tích thực hiện các hoạt động lâm nghiệp 292.920,2 lượt ha, trong đó:

\* Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 290.758,7 lượt ha với 10.866 lượt hộ gia đình và 158 lượt cộng đồng tham gia nhận khoán. Trung bình hằng năm hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 72.689,7 ha với 2.717 hộ và 40 cộng đồng tham gia nhận khoán.

\* Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng 2.161,5 lượt ha với 03 lượt cộng đồng tham gia. Trung bình hằng năm hỗ trợ bảo vệ rừng 720,5 ha cho 01 cộng đồng.

+ Dự kiến đến năm 2025, tổng diện tích thực hiện các hoạt động lâm nghiệp 366.552,9 lượt ha, đạt 100% kế hoạch, trong đó: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 363.670,9 lượt ha và hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng 2.882 lượt ha.

*(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)*

- Tiêu dự án 3 của Dự án 10 (*Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*)

+ Từ năm 2021 - 2024, Chi cục Kiểm lâm đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện 4 đợt kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện TDA của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

+ Dự kiến trong năm 2025, Chi cục Kiểm lâm sẽ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện 2 đợt kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện TDA của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

*(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)*

### **3. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình:**

a) Tổng kinh phí đã phân bổ thực hiện Tiêu dự án 1 của Dự án 3 là 119.149,02 triệu đồng.

- Ngân sách Trung ương: 107.446,15 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh: 11.702,87 triệu đồng

b) Tổng kinh phí thực hiện Tiêu dự án 3 của Dự án 10 là 60 triệu đồng

- Ngân sách Trung ương: 50 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh: 10 triệu đồng

*(Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo)*

### **4. Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình**

a) Về kinh tế

Thông qua hoạt động nhận khoán bảo vệ rừng đã góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo và cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III vùng DTTS qua tham gia thực hiện TDA.

b) Về xã hội

- Đã góp phần giải quyết việc làm cho một bộ phận các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo và cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III vùng DTTS qua tham gia thực hiện TDA và thu hái lâm sản ngoài gỗ trong khu vực rừng khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng.

- Tạo được môi liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; Tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển bền vững ngành lâm nghiệp.

#### c) Về môi trường

Góp phần tăng độ che phủ của rừng của tỉnh; bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học; cải thiện môi trường sinh thái; hạn chế sự xói mòn đất; giữ được nguồn nước, sinh thủy cho các hồ đập để phát triển thủy lợi, nông nghiệp, ...

d) Về sự tham gia của người dân, sự hài lòng của người dân, các đối tượng hưởng lợi đối với Chương trình

Thông qua việc tham gia tất các bước trong quá trình thực hiện TDA, như: Viết đơn đề nghị nhận khoán, tham gia họp thôn để thống nhất danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận khoán, ký hợp đồng nhận khoán với chủ rừng, nhận bàn giao diện tích khoán ngoài thực địa và nghiệm thu bảo vệ rừng. Do đó, quá trình thực hiện TDA của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng đã tạo sự công bằng, đồng thuận của Nhân dân trong quá trình thực hiện.

### 5. Đánh giá chung

#### a) Kết quả nổi bật đã đạt được

- Căn cứ văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng đã chủ trì, phối hợp chặt chẽ với lực lượng kiểm lâm sở tại, chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện TDA, do đó TDA được triển khai thuận lợi, theo đúng quy định và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Diện tích rừng hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng của TDA nhìn chung được bảo vệ tốt, qua đó đã góp phần tăng tỷ lệ che phủ của rừng trên địa bàn tỉnh (*năm 2020, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 56,03%, đến năm 2023, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 57,32%, ước đến năm 2025, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 58%*).

- Thực hiện TDA đã góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư từ tiền nhận khoán bảo vệ rừng, thu hái lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng nhận khoán.

- Tạo được môi liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; Tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá

nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển bền vững ngành lâm nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế

Trên diện tích rừng thực hiện TDA có xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật (*Xảy ra 05 vụ phá rừng, diện tích rừng bị thiệt hại 2,79 ha/292.920 lượt ha rừng thực hiện TDA, các ban quản lý rừng phòng hộ đã phối hợp với các đơn vị chức năng điều tra và chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý theo quy định*).

c) Nguyên nhân của tồn tại, khó khăn, bất cập

Một bộ phận người dân địa phương không có việc làm ổn định, đời sống kinh tế khó khăn nên bị các đối tượng đầu nậu lợi dụng, lôi kéo vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

d) Bài học kinh nghiệm

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Cấp ủy, chính quyền các cấp, sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện TDA, đặc biệt là trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện TDA, từ đó kịp thời nắm bắt các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp đến Nhân dân đã tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển bền vững ngành lâm nghiệp.

- Tạo sự công bằng, đồng thuận của Nhân dân trong thực hiện TDA

## **II. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN II: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Đánh giá thực trạng vùng đồng bào DTTS&MN tại địa phương hoặc lĩnh vực mà các Cơ quan Trung ương được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại thời điểm đề xuất, dự kiến đến hết 12/2025**

Bình Định có diện tích tự nhiên 607.151,71 ha, đến 31/12/2023, diện tích đất có rừng là 348.035,92 ha (*rừng tự nhiên là 214.084,32 ha, rừng trồng là 133.951,6 ha*), tỷ lệ che phủ của rừng là 57,32%. Trong đó, diện tích đất có rừng ở 04 huyện (*An Lão, Hoài Ân, Vân Canh, Vĩnh Thạnh*) tham gia TDA là 222.004,53 ha, chiếm 63,8% diện tích đất có rừng của tỉnh. Thông qua hoạt động của TDA đã góp phần tăng độ che phủ rừng của tỉnh, giải quyết việc làm cho một bộ phận các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo và cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III vùng DTTS thực hiện TDA, tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng, tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận Nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng.

Do đó, để góp phần bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đến năm 2025 đạt 58%, TDA cần tiếp tục thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng trên các địa bàn tham gia TDA.

## **2. Đề xuất**

### *a) Về mục tiêu*

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại các xã khu vực II, III với diện tích khoảng 365.000 lượt ha (*trung bình 73.000 ha/năm*) cho các đối tượng nhận khoán là hộ gia đình người Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, khu vực III, cộng đồng dân cư tại các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, Quyết định số 698/QĐ-TTg.

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng tại các xã khu vực II, khu vực III với diện tích khoảng 3.602,5 lượt ha (*trung bình 720,5 ha/năm*).

### *b) Về cơ chế huy động, bố trí và sử dụng vốn*

- Tổng nhu cầu vốn do ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng nêu trên là 236.642,8 triệu đồng, trung bình 47.328,56 triệu đồng/năm, trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng: 234.330 triệu đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng: 2.312,8 triệu đồng.

- Tổng nhu cầu vốn do ngân sách nhà nước cấp cho Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình là 100 triệu đồng, trung bình 20,0 triệu đồng/năm.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KH-TH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**